

Số: 11/2024/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2024

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về:

a) Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội bao gồm: khung xếp hạng, tiêu chí xếp hạng, trường hợp, hồ sơ, thẩm quyền xếp hạng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội;

b) Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

2. Thông tư này áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội sau đây:

a) Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công;

- b) Cơ sở trợ giúp xã hội;
- c) Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;
- d) Cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng;
- đ) Đơn vị hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
- e) Trung tâm dịch vụ việc làm;
- g) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực quan hệ lao động.

Điều 2. Khung xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

Khung xếp hạng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội gồm 04 hạng: Hạng I, Hạng II, Hạng III, Hạng IV.

Điều 3. Tiêu chí xếp hạng

1. Các nhóm tiêu chí xếp hạng:

- a) Nhóm tiêu chí I về vị trí, chức năng, nhiệm vụ;
- b) Nhóm tiêu chí II về hiệu quả, chất lượng công việc;
- c) Nhóm tiêu chí III về cơ sở vật chất, trang thiết bị;
- d) Nhóm tiêu chí IV về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Tiêu chí cụ thể và mức điểm quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư:

a) Phụ lục I: Bảng tiêu chí và điểm xếp hạng cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

b) Phụ lục II: Bảng tiêu chí và điểm xếp hạng cơ sở trợ giúp xã hội.

c) Phụ lục III: Bảng tiêu chí và điểm xếp hạng cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

d) Phụ lục IV: Bảng tiêu chí và điểm xếp hạng cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng.

đ) Phụ lục V: Bảng tiêu chí và điểm xếp hạng đơn vị hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

e) Phụ lục VI: Bảng tiêu chí và điểm xếp hạng trung tâm dịch vụ việc làm.

g) Phụ lục VII: Bảng tiêu chí và điểm xếp hạng đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực quan hệ lao động.

3. Điểm số của từng hạng

Nội dung	XẾP HẠNG			
	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
Điểm xếp hạng	Từ 90 đến 100 điểm	Từ 70 đến dưới 90 điểm	Từ 50 đến dưới 70 điểm	Dưới 50 điểm

4. Phương pháp tính điểm

a) Tính điểm theo từng tiêu chí cụ thể trong Bảng tiêu chí và điểm xếp hạng ban hành kèm theo Thông tư, không vận dụng điểm trung gian, không tính điểm khi các số liệu chưa hoàn chỉnh;

b) Việc xem xét hồ sơ đề nghị xếp hạng căn cứ các tài liệu, số liệu thống kê minh chứng các tiêu chí và kiểm tra thực tế tại đơn vị (lấy số liệu của 02 năm trước liền kề năm đề nghị xếp hạng và các tài liệu kế hoạch thực hiện của năm đề nghị xếp hạng, trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh thì việc cung cấp số liệu do cấp có thẩm quyền công nhận xếp hạng xem xét, quyết định; minh chứng tiêu chí đề tài nghiên cứu khoa học lấy số liệu trong thời gian giữ hạng đơn vị).

Điều 4. Trường hợp, hồ sơ, thẩm quyền và thời hạn xếp hạng

1. Trường hợp xếp hạng:

a) Xếp hạng lần đầu áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội mới thành lập hoặc chưa được xếp hạng;

b) Xếp lại hạng áp dụng đối với trường hợp:

- Hết thời hạn giá trị của quyết định xếp hạng;
- Vẫn trong thời hạn giá trị của quyết định xếp hạng nhưng đơn vị có sự thay đổi các tiêu chí xếp hạng (lên hạng hoặc xuống hạng).

2. Hồ sơ đề nghị xếp hạng (bao gồm cả trường hợp xếp lại hạng):

- a) Văn bản đề nghị xếp hạng của đơn vị;
- b) Bảng chấm điểm các nhóm tiêu chí theo quy định;
- c) Các tài liệu, số liệu thống kê minh chứng điểm số đạt được;
- d) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thẩm quyền quyết định xếp hạng:

a) Bộ, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo xếp hạng về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội khác chưa có hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thì cấp có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị xem xét, quyết định xếp hạng đơn vị theo thẩm quyền.

4. Quyết định xếp hạng có giá trị trong 05 năm (60 tháng) kể từ ngày quyết định xếp hạng có hiệu lực.

Điều 5. Phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý

1. Phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý

TT	Chức danh	Hệ số phụ cấp chức vụ			
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
1	Giám đốc	0,7	0,6	0,5	0,3
2	Phó Giám đốc	0,5	0,4	0,3	0,2
3	Trưởng phòng và tương đương	0,3	0,25	0,20	0,15
4	Phó trưởng phòng và tương đương	0,25	0,20	0,15	0,10

2. Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc Cục thuộc Bộ, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đã được xếp hạng, xếp lại hạng theo quy định tại Thông tư số 18/2006/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội và quyết định xếp hạng vẫn có giá trị hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời hạn giá trị của quyết định xếp hạng đó.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đã gửi hồ sơ đề nghị xếp hạng đến cấp có thẩm quyền quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nhưng chưa được cơ quan hoặc người có thẩm quyền ra quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thì phải rà soát, hoàn chỉnh lại hồ sơ đề nghị xếp hạng cho phù hợp với quy định tại Thông tư này và gửi lại hồ sơ đã chỉnh sửa cho cấp có thẩm quyền quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý quy định tại Điều 5 được áp dụng cho đến khi thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2024. Thông tư số 18/2006/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc xếp hạng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tổ chức triển khai Thông tư này và phải lập hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xếp hạng đơn vị chậm nhất 90 ngày trước khi quyết định xếp hạng hết giá trị.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH, Sở Nội vụ, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị có liên quan;
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, VTCCB(Thúy 10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Văn Thanh